

ĐƠN XIN THAM DỰ HỘI THẢO QUỐC TẾ

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu
- Phòng Tổ chức Nhân sự
- Phòng Quản lý Khoa học
- Phòng Kế hoạch Tài chính
- [Tên đơn vị]

Tên tôi là :

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Số giờ NCKH năm học : giờ NCKH, vượt so với định mức. Tương đương với số điểm tích lũy

Trong thời gian vừa qua tôi có bài viết được chấp nhận trình bày tại Hội thảo quốc tế: Đây là hội thảo khoa học quốc tế có uy tín, được đồng tổ chức bởi

- Chủ đề bài viết:
- Thời gian: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (bao gồm cả thời gian đi và về)
- Địa điểm:
- Kinh phí: Xin kinh phí nhà trường hỗ trợ (theo quy chế chi tiêu nội bộ)

Tôi viết đơn này kính đề nghị Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Quản lý Khoa học, Phòng Kế hoạch Tài chính và Khoa Kinh tế Quốc tế cho phép tôi được tham dự hội thảo quốc tế nói trên cũng như hỗ trợ kinh phí cho tôi tham dự một hội thảo này với số tiền là:

(Bằng chữ:)

(căn cứ Phụ lục số 11, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 20...). Dự toán kinh phí cụ thể (kèm theo).

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngàytháng năm 20...

Hiệu trưởng

P.TCNS

Phòng KH-TC

Phòng QLKH

[Tên đơn vị]

Người đề nghị

.....

.....

DỰ TOÁN KINH PHÍ THAM DỰ HỘI THẢO QUỐC TẾ

[TÊN HỘI THẢO]

[Địa điểm]

Tỷ giá (dự kiến tạm tính) 1 = VNĐ - tỷ giá Vietcombank ngày .../.../20...)

TT	Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Mức chi		Thành tiền		Ghi chú
				USD	VND	USD	VND	
1	Phí đăng ký	1	...	...	...	...	...	Hóa đơn
2	Vé máy bay	1	...	...	...	...	...	Hóa đơn
3	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh	Người	...	...	...	...	...	Khoán chi
4	Chi phí ăn uống, tiêu vật	Ngày	...	...	...	...	...	Khoán chi
5	Tiền thuê nhà nghỉ	Ngày		...	...	...		Khoán chi
	TỔNG							

Bằng chữ:

Đề nghị thanh toán: đồng

Bằng chữ: đồng.

Duyệt BGH

P. KHTC

[Tên đơn vị]

Người lập biểu

....

.....

(Tỷ giá ngoại tệ căn cứ vào ngày lập dự toán, in kèm tỷ giá ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

VÍ DỤ BẢNG TỶ GIÁ NGOẠI TỆ ĐI KÈM

Tỷ giá các ngoại tệ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Cập nhật lúc 23/09/2024 15:08

AUD	AUSTRALIAN DOLLAR	16,333.34	16,498.32	17,028.44
CAD	CANADIAN DOLLAR	17,675.88	17,854.42	18,428.12
CHF	SWISS FRANC	28,193.38	28,478.16	29,393.21
CNY	CHINESE YUAN	3,417.83	3,452.35	3,563.82
DKK	DANISH KRONE	-	3,596.00	3,733.89
EUR	EURO	26,623.87	26,892.80	28,085.07
GBP	UK POUND STERLING	31,817.13	32,138.52	33,171.18
HKD	HONG KONG DOLLAR	3,082.47	3,113.61	3,213.66
INR	INDIAN RUPEE	-	293.98	305.75
JPY	JAPANESE YEN	165.47	167.14	175.10
KRW	KOREAN WON	15.91	17.68	19.19
KWD	KUWAITI DINAR	-	80,527.47	83,750.96
MYR	MALAYSIAN RINGGIT	-	5,797.37	5,924.10
NOK	NORWEGIAN KRONE	-	2,293.20	2,390.68
RUB	RUSSIAN RUBLE	-	252.57	279.61
SAR	SAUDI ARABIAN RIYAL	-	6,545.38	6,807.39
SEK	SWEDISH KRONA	-	2,359.98	2,460.29
SGD	SINGAPORE DOLLAR	18,568.76	18,756.33	19,359.00
THB	THAI BAHT	660.11	733.46	761.58
USD	US DOLLAR	24,430.00	24,460.00	24,800.00

Ghi chú:

- Tỷ giá các ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá chỉ mang tính chất tham khảo.